

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04 -7-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa
chị Dương Thu Trang và anh Trần Duy Hà

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-6-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25-6-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thu T, sinh ngày 04-02-1999; số căn cước công dân: 036199014181; nơi cư trú: Tổ dân phố số A M, phường T, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: Tổ dân phố số A M, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Duy H, sinh ngày 15-6-1993; số căn cước công dân: 036093024642; nơi cư trú: Tổ dân phố số A M, phường T, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: Tổ dân phố số A M, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15-5-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Dương Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 06-7-2017. Vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh Trần Duy H đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt được kết quả. Mặc dù vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng không quan tâm, không chăm sóc nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Duy H.

Về con chung: Chị và anh Trần Duy H có 01 con chung là Trần Duy Q (giới tính: Nam), sinh ngày 16-10-2014. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Duy Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Duy H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 03-6-2025, cháu Trần Duy Q là con chung của chị Dương Thu T và anh Trần Duy H trình bày nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 09-6-2025, chính quyền địa phương nơi chị Dương Thu T và anh Trần Duy H cư trú cung cấp: Chị Dương Thu T và anh Trần Duy H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 06-7-2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Chị T và anh H có 01 con chung là Trần Duy Q (giới tính: Nam), sinh ngày 16-10-2014. Quá trình chung sống chị Dương Thu T và anh H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa phương không biết chính xác, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị, nếu không hòa giải được, đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn; tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thu T. Xử lý hôn giữa chị Dương Thu T và anh Trần Duy H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Trần Duy Q cho chị Dương Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thu T không đề nghị giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Dương Thu T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-5-2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Dương Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Duy H và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị và anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Duy H không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án

được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn là anh Trần Duy H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2; chị Dương Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn là chị Dương Thu T và bị đơn là anh Trần Duy H.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thu T và anh Trần Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường T, Tỉnh Ninh Bình) vào ngày 06-7-2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị Dương Thu T và anh Trần Duy H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị Dương Thu T và cung cấp của chính quyền địa phương nơi chị Dương Thu T và anh Trần Duy H cư trú thì quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị Dương Thu T trình bày do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, mặc dù sống cùng nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị Dương Thu T và anh Trần Duy H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thu T: Xử lý hôn giữa chị Dương Thu T và anh Trần Duy H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con

Chị Dương Thu T và anh Trần Duy H có 01 con chung là Trần Duy Q (giới tính: Nam), sinh ngày 16-10-2014. Chị Dương Thu T đề nghị Tòa án giao cháu Trần Duy Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Trần Duy Q cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy chị Dương Thu T có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Duy Q cho chị Dương Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thu T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Dương Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chị Dương Thu T là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Dương Thu T đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử lý hôn giữa chị Dương Thu T và anh Trần Duy H.

2. Về nuôi con:

- Giao cháu Trần Duy Q (giới tính: Nam), sinh ngày 16-10-2014 cho chị Dương Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thu T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thu T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Dương Thu T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002859 ngày 29-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

5. Chị Dương Thu T và anh Trần Duy H được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Dương Thu T và anh Trần Duy H có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình (GCNKH số 20 ngày 06-7-2017 của UBND xã Lộc An, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh